ngày khám　.　.　（　か月　日）　　※ Điê`n trong phâ`n khung in đậm

※太枠内をご記入ください

1か月健康診査問診票
（西脇市・三木市・小野市・加西市・丹波篠山市・丹波市・加東市・多可町共通）

No.	（ふりがな）	連絡先ＴＥＬ Sô´ điện thoại	体重　（～3p・97p～）　g（増加量　g/日）
氏　名 Họ tên			身長　（～3p・97p～）　cm
住所 Địa chỉ			栄養法　母乳 ・ 混合 ・ 人工乳
生年月日 Sinh nhât	令和 Reiwa　年 năm　月 tháng　日生 ngày	男・女 Nam/Nư~	頭囲　（～3p・97p～）　cm

＜在胎週数＞ sô´ tuâ`n thai　tuâ`n 週　　＜出生体重＞cân nặng khi sinh　g

1 お乳をよく飲みますか　はい ・ いいえ
Con uô´ng sư~a mẹ tô´t không　Có ・ Không

2 元気な声で泣きますか　はい ・ いいえ
Con khóc giọng có to khỏe không?　Có ・ Không

3 大きな音にピクッと手足を伸ばしたり泣き出したりすることはありますか　はい ・いいえ
Con có bị giật mình vươn chân tay và òa khóc vì tiê´ng động to khôr　Có ・ Không

4 お乳を飲むときや泣いた時に唇が紫色になることはありますか　いいえ ・ はい
Khi con bú sư~a hoặc khi khóc, môi có bị tím không?　Không ・ Có

5 からだが特に柔らかいとか硬いとか感じたことがありますか　いいえ ・ はい
Có cảm giác cơ thể con mê`m hoặc cư´ng không?　Không ・ Có

6 うすい黄色、もしくはうすいクリーム色の便（便色カード1番から3番）が続いていますか
Phân có liên tục màu vàng nhạt hoặc xanh lá cây　いいえ ・ はい
nhạt không? (bảng màu phân tư` sô´ 1 đê´n sô´ 3)　Không・ Có

7 あなたの顔をじっとみつめることがありますか　はい ・ いいえ
Con có nhìn chă`m chă`m vào bạn không?　Có ・ Không

8 裸にすると手足をよく動かしますか　はい ・ いいえ
Khi không mặc quâ`n áo, tay chân con có cử động nhiê`u khôn Có ・ Không

9 現在、お子さんのお母さんは喫煙をしていますか
Hiện tại, Mẹ có hút thuô´c l　なしKhông・ありCó（　mâ´y本/日）

10 現在、お子さんのお父さん（パートナー）は喫煙をしていますか
Hiện tại, Bô´ (ngươ`i sô´ng chung) có hút thuô´c không
なしKhông・ありCó（　本/日 ngày hút bao nhiêu)

11 窒息の可能性がある柔らかい寝具等を避け仰向けに寝かせていますか　はい ・ いいえ
Bạn có cho con nă`m ngư~a khi ngủ và tránh nơi hoặc như~ng vật mê`m gây ngạt thở không?　Có ・ Không

12 ソファやベッド、抱っこひもなどから転落、もしくは隙間に挟まってしまわないよう工夫をしていますか
Bạn có thực hiện các biện pháp ngăn ngư`a trẻ rơi xuô´ng giươ`ng, ghê´, địu trẻ em,... Hoặc bị kẹt vào các khoảng hở không?　はい ・ いいえ　Có ・ Không

13 あなたはゆったりとした気分でお子さん過ごせる時間がありますか　は　い・いいえ・何とも言えない
Bạn có thơ`i gian thư giãn và thoải mái dành cho con không?　Có ・ Không・Không thể nói

14 赤ちゃんをいとおしいと感じますか　はい・いいえ・何とも言えない
Bạn có thâ´y đư´a trẻ đáng yêu không?　Có ・ Không　Không thể nói

15 子育てについて不安や困難を感じることはありますか　いいえ・は　い・何とも言えない
Bạn có thâ´y khó khăn hay lo lă´ng gì trong việc nuôi con không?　Không ・Có・ Không thể nói

16 子育てについて気軽に相談できる人やサポートしてくれる人はいますか　はい ・ いいえ
Có ngươ`i hô~ trợ hoặc chia se~ một cách thoải mái vê` việc nuôi con không?　Có ・ Không

17 （きょうだいがいらっしゃる方へ）きょうだいのことで相談したいことはありますか
(như~ng bé có anh chị)　いいえ ・ はい
Bạn có muô´n tư vâ´n các vâ´n đê` của anh chị của em bé không?　Không ・ Có

18 お子さんのお母さんとお父さん（パートナー）は協力し合って家事・育児をしてますか
［そう思う　Có ・どちらかといえばそう思う　Có le~ có
どちらかといえばそう思わない　Có le~ không・
そう思わない　Không］

19 お子さんが泣きやまない時などにどう対処したら
いいかわからなくなってしまったことはありますか　いいえ ・ はい
Bạn có tư`ng không biê´t phải làm sao khi con khóc mãi không nín không?　Không ・ Có

20 現在の暮らしの経済的状況を総合的にみてどう感じていますか
Nhìn chung tình hình kinh tê´ hiện tại của bạn thê´ nào?
［大変ゆとりがある râ´t tô´t ・ ややゆとりがあるdư 1 chút
普通 bình thươ`ng ・ やや苦しいhơi khó ・ 大変苦しいrâ´t khó］

21 気分が沈んだり、憂うつな気持ちになったりすることがよくありましたか　いいえ ・ はい
Bạn có thươ`ng thâ´y chán nản không?　Không ・ Có

22 物事に対して興味がわかない、あるいは心から楽しめな
い感じがよくありましたか　いいえ ・ はい
Bạn có thâ´y mình không có hư´ng thú hoặc không có cảm giác vơ´i bâ´t cư´ cái gì không?　Không ・ Có

23 あなたご自身の睡眠で困っていることはありますか　いいえ ・ はい
Bạn có gặp khó khăn gì trong giâ´c ngủ của mình không?　Không ・ Có

24 あなたは、ときどきご自身の時間をもつことはできていますか　はい ・ いいえ
Thỉnh thoảng bạn có chút thơ`i gian cho riêng mình không?　Có ・ Không

25 2か月頃から始まる予防接種の内容についてご存知ですか　はい ・ いいえ
Bạn có biê´t việc tiêm phòng cho trẻ bă´t đâ`u tư` 2 tháng tuổ　Có ・ Không

部　位	診　察　所　見（該当所見に○をつけてください）		
全　身	身体的発育異常　（ 疑い ・ あり ）	外表奇形　（ 疑い ・ あり ）	姿勢の異常　（ 疑い ・ あり ）
皮　膚	黄疸 ・ 血管腫 ・ 色素異常 ・ その他		
頭　部	頭血種 ・ 頭囲拡大 ・ 小頭症 ・ 縫合異常		
顔	特異的顔貌 ・ 目（白色瞳孔／角膜混濁／眼瞼の異常等） ・ 口（口唇裂／口蓋裂） ・ 耳（小耳症／副耳／耳瘻孔等）		
頸　部	斜頸 ・ その他の頸部腫瘤		
胸　部	胸部の異常 ・ 呼吸の異常 ・ 心雑音 ・ 不整脈		
腹部/腰背部	臍（肉芽／ヘルニア） ・ 腹部腫瘤 ・ そけいヘルニア ・ 仙骨部の異常		
四　肢	四肢の運動制限 ・ 内反足		
神経学的異常	モロー反射 ・ 筋トーヌス		

発育性股関節形成不全リスク因子（ア、またはイからオの2項目以上）
ア　股関節開排制限　イ　大腿/そけい皮膚溝の非対称　ウ　家族歴　エ　女児　オ　骨盤位分娩

その他の異常			
新生児聴覚検査	正常 ・ 精査中（右/左） ・ 未	先天性代謝異常等検査結果の説明	済 ・ 未
便色カード	番	ビタミンK2の投与	できている ・ できていない
判　定	1 異常なし 2 既医療 3 要経過観察 4 要紹介（要精密／要治療） ※４の場合の紹介先（　）	実施医療機関名 医師名	

育児環境等	心配事	栄養
母の心身状態	無	良
その他	有	要指導

子育て支援の必要性の判定	健康相談	保健指導	特記事項
1 特に問題なし 2 保健師による支援が必要 3 その他の支援が必要 サイン（　）			

※原本は市町に提出していただき、コピーを医療機関で保管してください。